

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập thực tế 3 (Practical Internship 3)

- Mã số học phần: NS183
- Số tín chỉ học phần: 6 tín chỉ
- Số tiết học phần: 180 tiết thực tập tại cơ sở

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Chăn nuôi
- Khoa: Nông nghiệp

3. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học học phần NS181, NS182

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Kết hợp chặt chẽ “học đi đôi với hành”, bổ sung kiến toàn phần lý thuyết đã học ở trường; Giúp cho sinh viên nâng cao kiến thức chuyên môn, tay nghề kỹ thuật, kỹ năng và trình độ sản xuất thực tế tại trạm/trại/cơ sở sản xuất Chăn nuôi- Thú y; Sinh viên có đủ kiến thức trong quản lý vật nuôi và các kỹ thuật chăn nuôi và kiểm soát bệnh tốt.	3.1.3a
4.2	Nắm rõ công việc cần được thực hiện hàng ngày tại cơ sở/trại chăn nuôi. Nắm vững hơn lý thuyết đã được trang bị ở trường nhờ vào các kiến thức thực tế được trang bị thêm ở trang trại/cơ sở chăn nuôi.	3.2.1a
4.3	Có kỹ năng làm việc nhóm, khả năng xử lý, kiểm soát và cải thiện các vấn đề các vấn đề trong sản xuất chăn nuôi, giúp vật nuôi đạt năng suất cao nhất, giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường. Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hợp lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến chăm sóc và quản lý vật nuôi và con người.	3.2.2a
4.4	Có ý thức trách nhiệm, đạo đức và tác phong nghề nghiệp cao. Có trách nhiệm công dân; thái độ phục vụ tận tình.	3.3

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Ứng dụng các kiến thức đã học về giống, thức ăn, chuồng trại vào thực tế hoạt động của trang trại chăn nuôi.	4.1	3.1.3a
CO2	Phân tích và đánh giá được quy trình chăm sóc vật nuôi, kiểm soát bệnh tật của cơ sở chăn nuôi.	4.1	3.1.3a
	Kỹ năng		
CO3	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành một cách hiệu quả vào các hoạt động của cơ sở chăn nuôi.	4.2	3.2.1a
CO4	Vận hành được một cơ sở chăn nuôi, phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp để hoạt động của cơ sở chăn nuôi có hiệu quả.	4.3	3.2.2a
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Hình thành được thái độ tích cực trong việc tham gia các hoạt động thực tập nhóm; cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan.	4.4	3.3

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được chia thành nhiều nhóm nhỏ, được gửi thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất Chăn nuôi-Thú y tiên tiến ở các tỉnh ĐBSCL và Miền Đông Nam Bộ trong thời gian 8-10 tuần. Tùy theo cơ sở thực tập, đối tượng vật nuôi mà sinh viên nắm vững các công việc cần được thực hiện hàng ngày theo yêu cầu của cơ sở/trại; vận dụng các kiến thức đã được học vào thực tế chăn nuôi; đồng thời có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, chủ trại giúp các sinh viên có được các kiến thức thực tế và kỹ năng sống và làm việc. Trong suốt thời gian thực tập, sinh viên phải viết nhật ký thực tập tại các trạm/trại/cơ sở sản xuất làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả môn học. Sau thời gian thực tập, sinh viên trở về trường báo cáo kết quả thực tập dựa trên nhận xét đóng góp của trạm/trại/cơ sở.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

Sinh viên chọn 1 trong 2 lựa chọn:

+ Lựa chọn 1: yêu cầu cơ bản của môn học (sinh viên tự chi trả chi phí ăn ở nơi thực tập và chi phí bảo hiểm).

+ Lựa chọn 2: yêu cầu cơ bản cơ bản và nâng cao của môn học (sinh viên tự chi trả chi phí ăn ở nơi thực tập, chi phí bảo hiểm và chi phí tiền xe phát sinh thêm). Các nội dung trong **Lựa chọn 2** sẽ không được tính điểm.

*** Lựa chọn 1**

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
1.	Tổng quan về cơ sở thực tập	10	
1.1.	Vị trí địa lý		CO1, CO2
1.2.	Tổ chức		
1.3.	Nhân sự		
2.	Hệ thống quản lý	30	
2.1.	Quản lý nhân sự		CO1, CO2
2.2.	Quản lý giống		
2.3.	Quản lý đàn		
3.	Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc - gia cầm	70	
3.1.	Thức ăn		CO1, CO2, CO3
3.2.	Nước uống		
3.3.	Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng		
4.	Phòng và trị bệnh	30	CO1, CO2, CO3
5.	Hệ thống xử lý chất thải	10	CO1, CO2, CO3
6.	Phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả của cơ sở	30	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

*** Lựa chọn 2**

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
1.	Tổng quan về cơ sở thực tập	10	
1.1.	Vị trí địa lý		CO1, CO2
1.2.	Tổ chức		
1.3.	Nhân sự		
2.	Hệ thống quản lý	30	
2.1.	Quản lý nhân sự		CO1, CO2
2.2.	Quản lý giống		
2.3.	Quản lý đàn		
3.	Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gia súc - gia cầm	60	
3.1.	Thức ăn		CO1, CO2, CO3
3.2.	Nước uống		
3.3.	Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng		
4.	Phòng và trị bệnh	30	CO1, CO2, CO3
5.	Hệ thống xử lý chất thải	10	CO1, CO2, CO3
6.	Tiềm năng và định hướng phát triển	10	CO4, CO5
7.	Thiết kế tiêu thí nghiệm	30	
7.1.	Bố trí thí nghiệm		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7.2.	Ghi nhận số liệu		
7.3.	Phân tích, so sánh và kết luận kết quả thí nghiệm		

8. Phương pháp giảng dạy:

Sinh viên được hướng dẫn đề cương học tập, sau đó được phân chia theo nhóm đến công ty/cơ sở/trại chăn nuôi để thực tập trực tiếp trên hệ thống sản xuất. Sinh viên sẽ thu thập số liệu trên hệ thống sản xuất để viết báo cáo. Hết thời gian thực tập,

sinh viên nộp báo cáo theo nhóm, nhật ký thực tập cá nhân và báo cáo. Thầy Cô hướng dẫn/các bạn đặt câu hỏi cho nhóm.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học trong suốt thời gian thực tập tại các cơ sở/trại chăn nuôi.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

Chỉ đánh giá dựa trên **Lựa chọn 1** của cấu trúc học phần.

10.1 Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy nội dung như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn trước khi đi thực tập	10%	CO1, CO2
2	Điểm bài tập nhóm	- Quyển báo cáo thực tập - Nhật ký thực tập có xác nhận của cơ sở	30%	CO1, CO2, CO3
3	Điểm báo cáo kết thúc học phần	- Báo cáo - Kiến thức của sinh viên thông qua việc trả lời các câu hỏi - Bắt buộc tham dự	60%	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

10.2 Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

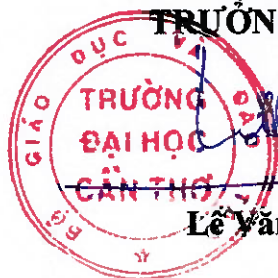
11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1]. Dinh dưỡng và thức ăn gia súc/Vũ Duy Giảng, Nguyễn Thị Lương Hồng, Tôn Thất Sơn.- Hà Nội: Nông nghiệp, 1997.- 260 tr.	NN.007082, NN.007083
[2] Dược lý học thú y/Phạm Khắc Hiếu, Lê Thị Ngọc Diệp.- Hà Nội: ĐH Nông nghiệp.- 364 tr.	NN.004466, NN.004469
[3] Sổ tay công tác giống lợn/Trương Lăng.- Đà Nẵng: Đà Nẵng, 2003.- 199tr.	NN.001646, NN.001647 NN.001648, NN.001649, NN.001650
[4] Những điều cần biết khi xây dựng chuồng trại nuôi heo/Võ Văn Ninh.- Tp HCM: Trẻ, 2003.- 84tr.	NN.001588, NN.001589
[5] Cẩm nang chăn nuôi lợn công nghiệp = Pork industry handbook- Phần 1/Hội đồng hạt Cốc chăn nuôi Mỹ.- Hà Nội-451 tr.	NN.010588, NN.010590, NN.010592, NN.010656, NN.010657

[6] Cẩm nang chăn nuôi gia súc gia cầm- T3- Cẩm nang chăn nuôi gia súc ăn cỏ/Hội chăn nuôi Việt Nam.- 2nd: Nông Nghiệp, 2000.- 332tr.	MOL.028144, MOL.028145, NN.002103, NN.002102
[7] Thụ tinh nhân tạo cho gia súc - gia cầm/Nguyễn Tấn Anh.- H.: LĐXH, 2003.- 115tr.	NN.001920, NN.001921

12. Hướng dẫn sinh viên tự học: sinh viên tự trang bị các tài liệu trong suốt quá trình thực tập tại các cơ sở chăn nuôi

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA**



Lê Văn Vàng

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2022
TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Kim Khang